

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17 – 4 – 2018
Không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Dương Hùng Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Huỳnh Hoàng Khởi**

Ông **Lê Thái Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tô Huyền Trang** – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 878/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị C** - sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường Thị Đội, khóm A, phường B, thành phố Cà M, tỉnh Cà M

- Bị đơn: Anh **Trương L** - sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường Thị Đội, khóm 5, phường 9, thành phố Cà M, tỉnh Cà M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/11/2017 và lời trình bày của chị Trần Thị C tại phiên tòa :

Về hôn nhân: Chị C và anh Trương L chung sống với nhau như vợ chồng năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Cà M. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến xô xát, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được. Anh L không về nhà mà ra ngoài thuê phòng trọ ở riêng. Chị C nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thị Kiều D, sinh năm: 1992 hiện đã có chồng ở riêng và Trương Gia H, sinh ngày 21/11/2002, hiện đang sống với chị C. Khi ly hôn chị C yêu cầu được nuôi con, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng. Ý kiến nguyện vọng của Trương Gia H thống nhất sống chung với mẹ.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Đối với anh Trương L tại phiên tòa, vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Quan hệ pháp luật giữa nguyên, bị đơn đặt ra được xác định là quan hệ về hôn nhân yêu cầu xin ly hôn và thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự. Điều luật được áp dụng Điều 9, 14, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Trương L chung sống như vợ chồng năm 1991, chị C cho có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Cà Mau, nhưng giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do anh L giữ. Tuy nhiên, tại tờ xác nhận ngày 17/8/2017 do ông Huỳnh Minh K Phó chủ tịch UBND phường 8, thành phố Cà M xác nhận tàng thư tại thời điểm năm 1991, việc kết hôn của chị C, anh L không còn được lưu tại địa phương. Tại tòa anh L vắng mặt, tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục xét xử vắng mặt anh L theo qui định pháp luật. Việc chị C, anh L có đăng ký kết hôn không, thực tế không có chứng cứ nào thể hiện có đăng ký kết hôn, hơn nữa do anh L không hợp tác, hiện nay anh L thường hay thay đổi nơi cư trú. Theo pháp luật qui định kể từ ngày 1/7/2016, BLTTDS năm 2015 tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS 2015 quy định: “Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về nơi cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung”. Như vậy, trường hợp của anh Trương L là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 277 BLDS năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt ông Trương L.

Đối với giấy chứng nhận đăng ký kết hôn là bằng chứng xác nhận tình trạng hôn nhân quan hệ vợ chồng để được sự bảo vệ của pháp luật. Theo Điều 24 Nghị định 123/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật hộ tịch, qui định về điều kiện đăng ký lại khai sinh, kết hôn, khai tử. Theo chị C cho là có đăng ký do anh L giữ, nhưng không có căn cứ nào chứng minh. UBND phường B, thành phố Cà M lại không còn lưu giữ tàng thư, nên không có căn cứ để cấp lại trích lục giấy đăng ký kết hôn. Vì vậy trường hợp của anh chị là không có đăng ký kết hôn. Do anh, chị không đăng ký kết hôn, căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý. Hơn nữa, hiện nay chị C yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc, anh L cũng không còn chung sống với chị C và thường xuyên thay đổi nơi cư trú, cho nên Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tuy nhiên, do hôn nhân của chị C, anh L có vi phạm về mặt hình thức, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng không thể chung sống với nhau được nên quan hệ hôn nhân giữa chị C, anh L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Có 02 người tên Trương Thị Kiều D, sinh ngày 12/02/1992, đã trưởng thành có gia đình sống riêng; Trương Gia H, sinh ngày 21/11/2002, hiện đang sống với chị C, khi ly hôn chị C yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy việc nuôi dạy, cấp dưỡng chi phí nuôi con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dạy, cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Ý chí nguyện vọng của cháu H thống nhất sống chung với chị C, đây là nguyện vọng phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, tuy được Tòa án giải thích quyền lợi của con nhưng chị C xác định có đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đây là ý chí tự nguyện của chị C nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ: Chị C xác định không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Đối với anh Trương L vắng mặt, nhận thấy việc tuân thủ, chấp hành pháp luật của đương sự còn hạn chế, gây ảnh hưởng, khó khăn trong việc giải quyết vụ án. Đây là tình trạng chung trong các vụ án Dân sự, Hôn nhân gia đình, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án. Theo qui định pháp luật anh L được quyền kháng cáo theo luật định.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị C phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị C và anh Trương L là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 người tên Trương Thị Kiều D, sinh ngày 12/02/1992, đã trưởng thành có gia đình sống riêng; Trương Gia H, sinh ngày 21/11/2002, hiện đang sống với chị C.

Tuyên xử tiếp tục giao chị C nuôi dưỡng Trương Gia H, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương L được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ: Chị Trần Thị C xác định không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

5. Án phí sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị C phải nộp 300.000đ, ngày 07/11/2017, chị C đã dự nộp 300.000đ lai số 0003925 được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Chị C cần sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trương L có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự; Điều 269 BLTTDS
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Hùng Quang